

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2022/DS-ST

Ngày: 27 – 5 – 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Sơn

2. Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ**, sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: Khóm A, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 14/02/2022): Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm: 1951. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp C1, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà **Lê Ngọc H** (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn Q (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm C1, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại văn bản sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2021, anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ trình bày:

Ngày 19/6/2019 âm lịch, vợ chồng bà Lê Ngọc H và ông Nguyễn Văn Q vay của anh Đ số tiền 20.000.000 đồng để sửa nhà, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Sau khi vay, bà H đã trả được 03 (ba) tháng tiền lãi. Đến ngày 02/11/2019 âm lịch, ông Q bà H tiếp tục vay của anh Đ thêm 20.000.000 đồng, hứa làm nhà xong sẽ trả vốn và lãi. Đến nay bà H, ông Q không trả vốn và lãi. Anh Đg yêu cầu ông Q và bà H trả anh 40.000.000 đồng vốn và tiền lãi phát sinh trên tổng số tiền vốn từ ngày 02/11/2019 âm lịch với mức lãi suất

1,7%/tháng, thời gian yêu cầu tính lãi là 25 tháng, tổng số tiền lãi yêu cầu là 17.000.00 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng M (đại diện hợp pháp của nguyên đơn) trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn. Việc vay tiền bà H có viết Biên nhận nhận nợ anh Đ. Các khoản vay đều thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận. Do không chứng minh được khoản vay có thỏa thuận thanh toán lãi nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi với mức lãi suất 10%/ năm, thời gian yêu cầu tính lãi là 23 tháng kể từ khi bà H, ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh Đ.

Đối với bà Lê Ngọc H và ông Nguyễn Văn Q: Cán bộ tổng đạt đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Q và bà H gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập của Tòa án triệu tập bà H và ông Q đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án. Tuy nhiên đến nay bà H và ông Q vẫn vắng mặt tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Bà H và ông Q cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của ông bà đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ khởi kiện yêu cầu bà Lê Ngọc H và ông Nguyễn Văn Q thanh toán nợ vay. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bà H và ông Q cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhiều lần triệu tập bà H và ông Q đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà H và ông Q vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trách nhiệm thanh toán và khoản tiền vốn phải thanh toán: Xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có xác định thời hạn. Việc vay và cho vay tài sản giữa các đương sự được thiết lập trên tinh thần tự nguyện. Tòa án đã thông báo cho bà H và ông Q đến Tòa án vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 07/3/2022 để hòa giải tranh chấp với anh Đ (Thông báo được chị Nguyễn Hải Y là con dâu của ông Q và bà H, sống chung nhà với bà H, ông Q tại địa chỉ khóm C1, phường F, thành phố C nhận thay, cam kết giao lại cho ông Q và bà H) nhưng ông Q và bà H vẫn không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Tòa án triệu tập bà H và ông Q đến Tòa án vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 28/3/2022 để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Q và bà H vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tòa án tiếp tục triệu tập bà H và ông Q đến Tòa án vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 28/4/2022 để tham gia phiên tòa xét xử vụ án, ông Q và bà H vẫn vắng mặt (Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập ông Q, bà H tham gia các phiên tòa xét xử do anh Nguyễn Quốc Tr là con trai của ông Q và bà H, sống chung nhà với bà H, ông Q tại địa chỉ khóm C1, phường F, thành phố C nhận thay, cam kết giao lại cho ông Q và bà H). Ngày 28/4/2022 đại diện nguyên đơn yêu cầu hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa xét xử vụ án, triệu tập các đương sự trong vụ án đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 27/5/2022. Lần triệu tập này, ông Nguyễn Văn Q là người trực tiếp

nhận Giấy triệu tập và nhận thay bà H Giấy triệu tập nhưng đến nay ông Q và bà H không ai có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên nhận mượn tiền ngày 19/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 21/7/2019 dương lịch) và Biên nhận ngày 02/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 27/11/2019 dương lịch) đều đứng tên Lê Ngọc H, thể hiện nội dung bà Lê Ngọc H nhà số I, đường P, khóm C1, phường F, thành phố C có mượn Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 19/6/2019 âm lịch và 20.000.000 đồng vào ngày 02/11/2019 âm lịch; thời gian mượn trong 02 (hai) tháng sẽ trả. Do đó có căn cứ xác định bà Lê Ngọc H trực tiếp vay của anh Đ tổng số tiền vốn là 40.000.000 đồng. Các khoản vay trên đã quá hạn thanh toán nên nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ. Nguyên đơn yêu cầu ông Q liên đới cùng bà H thanh toán nợ, ông Q không có ý kiến phản đối, bà H và ông Q cũng không chứng minh đã thanh toán nợ cho nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do anh Đ giao nộp, có cơ sở xác định trình bày của anh Đ về việc bà H, ông Q còn nợ anh Đ số tiền 40.000.000 đồng. Vì vậy cần buộc bà H và ông Q có trách nhiệm thanh toán nợ cho anh Đ.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn cho rằng giao dịch vay có tính lãi với mức lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định nguyên đơn không chứng minh được khoản vay có tính lãi nên thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thời gian yêu cầu tính lãi là 23 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản vay ngày 19/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 21/7/2019 dương lịch) bị đơn cam kết sẽ thanh toán trong thời gian hai tháng nhưng đến nay chưa thanh toán nên thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ tính từ ngày 22/9/2019 dương lịch. Từ ngày 22/9/2019 đến ngày hôm nay 27/5/2022 là 32 tháng 06 ngày. Khoản vay ngày 02/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 27/11/2019 dương lịch) bị đơn cam kết sẽ thanh toán trong thời gian hai tháng nhưng đến nay chưa thanh toán nên thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ tính từ ngày 28/01/2020 dương lịch. Từ ngày 28/01/2020 dương lịch đến ngày hôm nay 27/5/2022 là 28 tháng. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi của hai khoản vay trong thời gian 23 tháng với mức lãi suất 10%/năm là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi phát sinh trên tổng số tiền vốn 40.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm trong thời gian 23 tháng được chấp nhận là 7.666.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, đã dự nộp án phí nên được hoàn lại.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ. Buộc bị đơn bà Lê Ngọc H và ông Nguyễn Văn Q thanh toán cho anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ tổng số tiền 47.666.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng - trong đó: Tiến vốn 40.000.000 đồng, tiền lãi 7.666.000 đồng*).

Kể từ ngày anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ có đơn yêu cầu thi hành án, bà Lê Ngọc H và ông Nguyễn Văn Q không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lê Ngọc H và ông Nguyễn Văn Q phải chịu 2.383.000 đồng (chưa nộp). Anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ không phải chịu án phí. Ngày 07/01/2022, anh Đ đã dự nộp số tiền 1.425.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai thu số 0000771) được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3 - Về quyền kháng cáo: Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H và Ông Q vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hân